

Bản án số: **39/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày 15/3/2024  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Trình Minh Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Ngọc Tiên.

Ông Hồ Công Luận.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Mai Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: anh Phạm Văn Đ, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Chị T, anh Đ đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ nguyên đơn là chị Mai Thị T trình bày: chị và anh Đ tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế vào năm 2008. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2014, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã, cũng từ thời gian này chị và anh Đ không còn chung sống với nhau nữa, phần ai

nấy sống, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

- Về con chung: chị và anh Đ có một người con chung tên Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 15/9/2009, hiện nay cháu đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản khi ly hôn: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/02/2024, bị đơn anh Phạm Văn Đ trình bày: anh thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của chị T; anh cũng đồng ý giao cháu Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 15/9/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; về chia tài sản khi ly hôn: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Mai Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn Đ; giao cháu Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 15/9/2009 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chung, về chia tài sản khi ly hôn: anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh Đ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Mai Thị T và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 26/9/2008. Việc kết hôn giữa chị T và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của chị T và anh Đ thể hiện: trong thời gian chung sống, giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi vã, từ năm 2014 vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nữa. Hiện nay, chị T có yêu cầu xin ly hôn và anh Đ

cũng thống nhất do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với thực tế, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về con chung: chị T và anh Đ có 01 người con chung là cháu Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 15/9/2009. Sau khi ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay cháu D đang sống cùng chị T và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các bên, đúng với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh, chị không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị T đối với anh Phạm Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Mai Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: giao cháu Phạm Thị Thùy D, sinh ngày 15/9/2009 cho chị Mai Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu D trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con: anh chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Đ có quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Mai Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0009194 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã P, huyện Đ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Trình Minh Hùng**

